

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	03
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	04 - 05
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	06
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	07
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	08 - 34

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được Soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

1. Thông tin chung về Công ty

Thành lập:

Công ty Cổ phần SCI, (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Sông Đà 909, là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101405355, đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ hai mươi một ngày 10 tháng 09 năm 2024.

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty cổ phần

Hoạt động kinh doanh của Công ty

Thi công xây lắp và cung cấp các dịch vụ cho thuê máy móc xây dựng.

Tên tiếng anh: SCI JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: SCI

Mã chứng khoán: S99 (HNX)

Trụ sở chính: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong kỳ của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông	Nguyễn Công Hùng	Chủ tịch	
Ông	Nguyễn Văn Phúc	Thành viên	
Ông	Đoàn Thế Anh	Thành viên	
Ông	Ngô Vũ An	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10/04/2025
Ông	Nguyễn Anh Huy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10/04/2025
Ông	Kim Mạnh Hà	Thành viên	
Ông	Hoàng Trọng Minh	Thành viên	

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông	Nguyễn Văn Phúc	Tổng Giám đốc
Ông	Đoàn Thế Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Phạm Văn Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Nguyễn Văn Độ	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Vũ An Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Phan Dương Mạnh	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính là Ông Nguyễn Văn Phúc và Ông Nguyễn Công Hùng

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

4. Kiểm toán độc lập

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học MOORE AISIC đã thực hiện soát xét báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

5. Cam kết của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2025

Thay mặt Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Công Hùng

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Số: A0625077-SXR/MOOREAISHN-TC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kính gửi** Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**Công ty Cổ phần SCI**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần SCI được lập ngày 27 tháng 8 năm 2025, từ trang 04 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần SCI chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2025

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học MOORE AISC**Nguyễn Thị Phượng****Phó Giám đốc chi nhánh**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 4945-2024-005-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		818.494.600.541	752.148.428.173
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	39.652.143.224	10.072.179.237
1. Tiền	111		39.652.143.224	10.072.179.237
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	90.256.772	113.463.922
1. Chứng khoán kinh doanh	121		499.175.581	499.175.581
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(408.918.809)	(385.711.659)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		777.204.737.172	740.636.690.210
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	567.418.605.541	488.601.815.197
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	188.964.353.479	231.839.532.929
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	20.821.778.152	20.195.342.084
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.547.463.373	1.326.094.804
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	122.387.618	68.775.051
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.399.101.453	1.257.319.753
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	25.974.302	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.369.659.951.085	1.371.079.573.323
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		220.000.000	220.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	220.000.000	220.000.000
II. Tài sản cố định	220		26.619.917	44.617.421
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	23.494.996	35.242.498
- Nguyên giá	222		28.273.069.982	28.273.069.982
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(28.249.574.986)	(28.237.827.484)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	3.124.921	9.374.923
- Nguyên giá	228		342.500.000	342.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(339.375.079)	(333.125.077)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.6	8.681.721.795	8.618.427.695
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		8.681.721.795	8.618.427.695
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	1.360.729.566.278	1.362.180.859.722
1. Đầu tư vào công ty con	251		1.393.024.081.099	1.392.424.081.099
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		30.550.000.000	30.550.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(62.844.514.821)	(60.793.221.377)
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.043.095	15.668.485
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	2.043.095	15.668.485
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.188.154.551.626	2.123.228.001.496

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		934.757.432.689	889.302.543.220
I. Nợ ngắn hạn	310		700.027.509.142	848.971.145.960
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.10	474.347.888.048	587.997.945.638
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	206.466.879.651	247.372.308.721
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	14.820.123	598.880.708
4. Phải trả người lao động	314		303.359.969	1.052.349.667
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	12.871.724.211	5.926.824.086
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.022.837.140	6.022.837.140
II. Nợ dài hạn	330		234.729.923.547	40.331.397.260
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.10	193.208.389.301	-
2. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.13	1.521.534.246	331.397.260
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15	40.000.000.000	40.000.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.253.397.118.937	1.233.925.458.276
II. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	1.253.397.118.937	1.233.925.458.276
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		991.343.310.000	991.343.310.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		991.343.310.000	991.343.310.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		659.066.000	659.066.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.192.087.059	8.192.087.059
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		253.202.655.878	233.730.995.217
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		233.730.995.217	178.352.687.508
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		19.471.660.661	55.378.307.709
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.188.154.551.626	2.123.228.001.496

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2025

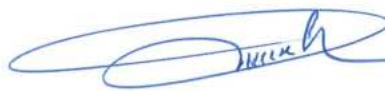
NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Lê Thị Nhung



Phan Dương Mạnh



Nguyễn Công Hùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	550.382.317.999	467.322.249.622
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		550.382.317.999	467.322.249.622
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	526.429.348.137	431.935.861.167
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		23.952.969.862	35.386.388.455
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	15.065.159.659	62.199.950.711
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	11.016.487.870	23.608.412.302
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.190.136.986	88.767.123
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	5.460.630.506	6.674.078.859
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		22.541.011.145	67.303.848.005
11. Thu nhập khác	31	VI.6	9.719.239.475	7.283.580.095
12. Chi phí khác	32	VI.7	9.912.925.474	9.286.815.558
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(193.685.999)	(2.003.235.463)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		22.347.325.146	65.300.612.542
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	2.875.664.485	3.927.793.690
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		19.471.660.661	61.372.818.852

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2025

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Lê Thị Nhung



Phan Dương Mạnh



Nguyễn Công Hùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		22.347.325.146	65.300.612.542
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		17.997.504	6.250.002
- Các khoản dự phòng	03		2.074.500.594	19.184.197.238
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(6.013.996.462)	(16.821.600.057)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.155.690.800)	(39.875.965.664)
- Chi phí lãi vay	06		1.190.136.986	88.767.123
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn	08		17.460.272.968	27.882.261.184
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(30.768.487.091)	(10.780.653.736)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay	11		44.923.868.420	12.131.904.950
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		(39.987.177)	315.759.569
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	(22.010.891.990)
- Tiền lãi vay đã trả	14		0	(88.767.123)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.500.000.000)	(20.702.144.687)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		28.075.667.120	(13.252.531.833)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(63.294.100)	(867.489.600)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(600.000.000)	(228.900.000.000)
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	71.600.000.000
4. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.155.690.800	39.875.965.664
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.492.396.700	(118.291.523.936)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(22.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(22.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	50		29.568.063.820	(154.044.055.769)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		10.072.179.237	171.355.331.054
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		11.900.167	28.425.516
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.1	39.652.143.224	17.339.700.801

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2025

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ







Lê Thị Nhung

Phan Dương Mạnh

Nguyễn Công Hùng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Thành lập:**

Công ty Cổ phần SCI, (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Sông Đà 909, là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101405355, đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ hai mươi một ngày 10 tháng 09 năm 2024.

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Thi công xây lắp và cung cấp các dịch vụ cho thuê máy móc xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện, quản lý vận hành nhà máy thủy điện, bán điện;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng các công trình dân dụng khác: Thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, xây dựng thủy điện, các công trình thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình thoát nước, gia công lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực.

Tên tiếng anh:

SCI JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt:

SCI

Mã chứng khoán:

S99 (HNX)

Trụ sở chính: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

5. Tổng số nhân viên đến ngày 30 tháng 6 năm 2025: 18 nhân viên. (Ngày 31 tháng 12 năm 2024: 16 nhân viên)**6. Cấu trúc doanh nghiệp**

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số V.2

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều thông tư 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều thông tư 200/2014/TT-BTC cũng như thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Công ty thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán.

Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế

Tất cả các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm (mua bán ngoại tệ, góp vốn hoặc nhận vốn góp, ghi nhận nợ phải thu, nợ phải trả, các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả, ngoại trừ các khoản mục khoản trả trước cho người bán, người mua trả tiền trước, chi phí trả trước, các khoản đặt cọc và các khoản doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.

Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.

Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Nguyên tắc xác định tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả, ngoại trừ các khoản mục khoản trả trước cho người bán, người mua trả tiền trước, chi phí trả trước, các khoản đặt cọc và các khoản doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: áp dụng theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam: Tỷ giá mua quy đổi tại ngày 30/06/2025: 25.910 VND/USD.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: áp dụng theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam: Tỷ giá bán quy đổi tại ngày 30/06/2025: 26.270 VND/USD.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ kế toán

Khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh.

Khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Nguyên tắc kế toán đối với chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh bao gồm cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán; các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời).

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập đối với phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, các khoản đầu tư này được đánh giá theo giá trị có thể thu hồi. Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và ghi giảm giá trị đầu tư.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty đó. Khi Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát công ty con thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty con.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận khi Công ty có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty này. Khi Công ty không còn quyền đồng kiểm soát thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty liên doanh.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết được trích lập khi doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn hoặc khi giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị suy giảm giá trị. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư (nếu công ty này là công ty mẹ), là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư (nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con).

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản Công ty đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình xây lắp. Giá trị sản phẩm dở cuối kỳ đang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):**7.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

7.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích.

Bằng sáng chế và thương hiệu

Bằng sáng chế và thương hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
Tài sản cố định vô hình	20 năm

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như: Chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và các chi phí khác.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ trên 12 tháng.

10. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Các khoản phải trả thỏa mãn định nghĩa của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập BCTC.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 "Chi phí đi vay".

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần: Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa giá phát hành cổ phiếu so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác (tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng**

Doanh thu của hợp đồng xây dựng bao gồm: Doanh thu ban đầu được ghi nhận trong hợp đồng; và các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác nếu các khoản này có khả năng làm thay đổi doanh thu, và có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Doanh thu của hợp đồng xây dựng được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Việc xác định doanh thu của hợp đồng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc chắn được giải quyết. Vì vậy, doanh thu của hợp đồng có thể tăng hay giảm ở từng thời kỳ.

Ghi nhận doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:

1. Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

2. Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ; các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

19. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

20. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2025	01/01/2025
Tiền	39.652.143.224	10.072.179.237
Tiền mặt	978.396.523	1.249.136.197
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	38.673.746.701	8.823.043.040
Cộng	39.652.143.224	10.072.179.237

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.2. Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Tổng giá trị cổ phiếu	499.175.581	90.599.450	499.175.581	113.535.300
SDA	564.800	184.800	564.800	316.800
VIX	11.250	12.750	11.250	9.850
CYC	209.189.174	49.045.000	209.189.174	72.125.000
CIC	287.964.935	39.600.000	287.964.935	39.600.000
EIB	1.395.422	1.736.600	1.395.422	1.466.800
Cổ phiếu khác	50.000	20.300	50.000	16.850
Cộng	499.175.581	90.599.450	499.175.581	113.535.300

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

06 tháng đầu

năm 2025

Số đầu kỳ	385.711.659
Trích lập dự phòng bổ sung	23.207.150
Hoàn nhập dự phòng	-
Số cuối kỳ	408.918.809

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)
Đầu tư vào công ty con	1.393.024.081.099	(62.844.514.821)	1.392.424.081.099	(60.793.221.377)
Công ty Cổ phần SCI E&C	124.841.371.099	-	124.841.371.099	-
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH SCI Năng Lượng	1.261.682.710.000	(62.844.514.821)	1.261.082.710.000	(60.793.221.377)
Đầu tư vào đơn vị khác	30.550.000.000	-	30.550.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà	550.000.000	-	550.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Fecon	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Cộng	1.423.574.081.099	(62.844.514.821)	1.422.974.081.099	(60.793.221.377)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

V.2. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Công ty tại ngày 30/06/2025 như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Đầu tư vào công ty con				
Công ty Cổ phần SCI E&C	Hà Nội	51,00%	51,00%	Chế tạo, lắp đặt cơ khí, xây dựng công trình và hạ tầng
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Hà Nội	65,00%	65,00%	Tư vấn thiết kế
Công ty TNHH SCI Năng Lượng	Quảng Trị	100,00%	100,00%	Đầu tư dự án năng lượng

Tình hình biến động dự phòng các khoản đầu tư vào công ty khác như sau:

Số đầu kỳ	06 tháng đầu năm 2025
Trích lập dự phòng bổ sung	60.793.221.377
Hoàn nhập dự phòng	2.045.213.472
Số cuối kỳ	62.838.434.849

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

V.2. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

c. Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
Công ty Cổ phần SCI E&C		
+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	483.727.273	950.409.090
+ Thu nhập khác	9.068.255.227	6.551.998.625
+ Mua hàng hóa và cung cấp dịch vụ	456.470.289.724	430.942.940.112
Công ty Cổ phần SCI Nghệ An		
+ Cổ tức	-	36.246.423.910
+ Lãi vay phải trả	-	88.767.123
+ Trả gốc tiền vay	-	40.000.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI		
+ Thu nhập khác	616.173.368	731.581.470
+ Mua hàng hóa và cung cấp dịch vụ	67.737.111.456	2.029.356.248
+ Cổ tức	2.148.692.260	2.532.129.600
Công ty Cổ phần SCI Quảng Trị		
+ Góp vốn	-	228.900.000.000
+ Thu nhập khác	34.810.880	-
Công ty TNHH SCI Năng Lượng		
+ Góp vốn	600.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Phải thu của khách hàng	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	567.418.605.541	-	488.601.815.197	-
Nam Sam 3 Power Company Limited	195.249.157.103	-	158.340.844.312	-
Nam Mo 2 Hydropower Company Limited	212.087.175.835	-	325.837.780.920	-
NAM SAM 3A POWER SOLE COMPANY	117.122.559.988	-	-	-
NAM MO 1 HYROPOWER SOLE CO.,LTD	38.698.916.900	-	-	-
Các khách hàng khác	4.260.795.715	-	4.423.189.965	-
Cộng	567.418.605.541	-	488.601.815.197	-
b. Phải thu các bên liên quan				
Công ty Cổ phần SCI Quảng Trị	37.605.750	-	-	-
Cộng	37.605.750	-	-	-
4. Trả trước cho người bán	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	188.964.353.479	-	231.839.532.929	-
Công ty Cổ phần SCI E&C	188.806.577.858	-	231.612.474.622	-
Các nhà cung cấp khác	157.775.621	-	227.058.307	-
Cộng	188.964.353.479	-	231.839.532.929	-
b. Trả trước cho người bán là các bên liên quan				
Công ty Cổ phần SCI E&C	188.806.577.858	-	231.612.474.622	-
Cộng	188.806.577.858	-	231.612.474.622	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Phải thu khác

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	20.821.778.152	-	20.195.342.084	-
Tạm ứng	1.321.835.970	-	812.840.210	-
Phải thu khác	19.499.942.182	-	19.382.501.874	-
b. Dài hạn	220.000.000	-	220.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	220.000.000	-	220.000.000	-
Cộng	21.041.778.152	-	20.415.342.084	-

6. Tài sản dở dang dài hạn

	01/01/2025	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	30/06/2025
Xây dựng cơ bản dở dang	8.618.427.695	63.294.100	-	8.681.721.795
- Dự án điện gió Hướng Việt Quảng Trị	2.394.562.290	-	-	2.394.562.290
- Dự án điện gió Tân Thành	4.402.630.405	63.294.100	-	4.465.924.505
- Dự án Thủy điện Nậm Khian 1 (Lào)	509.540.000	-	-	509.540.000
- Dự án Thủy điện Nậm Khian 2 (Lào)	891.695.000	-	-	891.695.000
- Đường dây truyền tải điện Lào - Việt Nam	420.000.000	-	-	420.000.000
Cộng	8.618.427.695	63.294.100	-	8.681.721.795

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư tại 01/01/2025	19.070.713.281	9.105.179.428	97.177.273	28.273.069.982
Số dư tại 30/06/2025	19.070.713.281	9.105.179.428	97.177.273	28.273.069.982
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư tại 01/01/2025	19.035.470.783	9.105.179.428	97.177.273	28.237.827.484
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	11.747.502	-	-	11.747.502
Số dư tại 30/06/2025	19.047.218.285	9.105.179.428	97.177.273	28.249.574.986
Giá trị còn lại				
Số dư tại 01/01/2025	35.242.498	-	-	35.242.498
Số dư tại 30/06/2025	23.494.996	-	-	23.494.996

* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 28.226.079.982 đồng

**Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 đồng

8. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Nhãn hiệu, thương hiệu	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư tại 01/01/2025	250.000.000	92.500.000	342.500.000
Số dư tại 30/06/2025	250.000.000	92.500.000	342.500.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư tại 01/01/2025	240.625.077	92.500.000	333.125.077
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	6.250.002	-	6.250.002
Số dư tại 30/06/2025	246.875.079	92.500.000	339.375.079
Giá trị còn lại			
Số dư tại 01/01/2025	9.374.923	-	9.374.923
Số dư tại 30/06/2025	3.124.921	-	3.124.921

* Giá trị còn lại của TSCĐVH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: không có

* Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 92.500.000 đồng

9. Chi phí trả trước

	30/06/2025	01/01/2025
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	122.387.618	68.775.051
Công cụ dụng cụ xuất dùng	122.387.618	68.775.051
b. Chi phí trả trước dài hạn	2.043.095	15.668.485
Chi phí sửa chữa văn phòng	-	13.272.722
Chi phí khác	2.043.095	2.395.763
Cộng	124.430.713	84.443.536

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10. Phải trả người bán

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	474.347.888.048	474.347.888.048	587.997.945.638	587.997.945.638
Công ty Cổ phần SCI E&C	405.658.885.303	405.658.885.303	568.114.457.879	568.114.457.879
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	64.760.486.186	64.760.486.186	15.492.420.005	15.492.420.005
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng và Thương mại Thành Vinh	651.217.738	651.217.738	851.217.738	851.217.738
Các nhà cung cấp khác	3.277.298.821	3.277.298.821	3.539.850.016	3.539.850.016
b. Dài hạn	193.208.389.301	-	-	-
Công ty Cổ phần SCI E&C	193.208.389.301	-	-	-
Cộng	667.556.277.349	474.347.888.048	587.997.945.638	587.997.945.638
c. Phải trả các bên liên quan				
Công ty Cổ phần SCI E&C	598.867.274.604	598.867.274.604	568.114.457.879	568.114.457.879
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	64.760.486.186	64.760.486.186	15.492.420.005	15.492.420.005
Cộng	663.627.760.790	663.627.760.790	583.606.877.884	583.606.877.884

11. Người mua trả tiền trước**a. Ngắn hạn**

	30/06/2025	01/01/2025
NAM MO 2 HYDROPOWER COMPANY LIMITED	206.466.879.651	247.372.308.721
NAM SAM 3A POWER SOLE COMPANY	40.890.407.739	73.822.346.879
NAM MO 1 HYROPOWER SOLE CO.,LTD	73.351.813.500	79.347.240.000
	92.224.658.412	94.202.721.842
Cộng	206.466.879.651	247.372.308.721

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	30/06/2025
a. Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	598.361.213	2.875.664.485	3.474.025.698	-
Thuế thu nhập cá nhân	519.495	404.266.742	389.966.114	14.820.123
Cộng	598.880.708	3.279.931.227	3.863.991.812	14.820.123
b. Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	25.974.302	25.974.302
Cộng	-	-	25.974.302	25.974.302

Trình bày cách xác định các khoản thuế, phí, lệ phí phải nộp.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho xuất khẩu là 0%

- Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho dịch vụ xây lắp trong nước là 10%

Trong năm Công ty được giảm thuế GTGT theo Nghị định 72/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Mức thuế suất

0%

10%

13. Chi phí phải trả**b. Dài hạn**

Lãi vay

Cộng

30/06/2025

01/01/2025

1.521.534.246 331.397.260

1.521.534.246 331.397.260

1.521.534.246 331.397.260**14. Phải trả khác****a. Ngắn hạn**

Kinh phí công đoàn

Công ty Cổ phần SCI E&C

Thuế nhà thầu Công trình NamTheun

Thù lao HĐQT

Các khoản phải trả, phải nộp khác

Cộng

30/06/2025

01/01/2025

220.570.176 208.522.176

8.816.516.910 1.718.305.855

1.809.347.406 1.809.347.406

67.297.450 67.537.450

1.901.833.037 2.123.111.199

12.871.724.211 5.926.824.086**b. Phải trả các bên liên quan**

Công ty Cổ phần SCI E&C

Cộng

8.816.516.910 1.718.305.855

8.816.516.910 1.718.305.855

15. Vay và nợ thuê tài chính

	30/06/2025				Trong kỳ				01/01/2025	
	Số có khả năng		Số có khả năng		Số có khả năng		Số có khả năng		Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ	Giá trị	trả nợ	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Giá trị	trả nợ	Giá trị	trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	40.000.000.000	40.000.000.000	-	-	-	-	40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000
Ông Nguyễn Công Chiến	40.000.000.000	40.000.000.000	-	-	-	-	40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000
Cộng	40.000.000.000	40.000.000.000	-	-	-	-	40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000

Khoản vay Nguyễn Công Chiến theo hợp đồng 01-2024/HĐV/SCI-NGUYEN CONG CHIEN, lãi suất 6%/năm, đáo hạn ngày 19/11/2026.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 09 - DN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

16. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2024	939.973.690.000	821.066.000	8.192.087.059	225.455.127.228	1.174.441.970.287
Tăng vốn	51.369.620.000	(162.000.000)	-	(46.974.940.000)	4.232.680.000
Lợi nhuận	-	-	-	55.378.307.709	55.378.307.709
Thuế TNDN bổ sung theo quyết toán năm 2022	-	-	-	(127.499.720)	(127.499.720)
Số dư tại 31/12/2024	991.343.310.000	659.066.000	8.192.087.059	233.730.995.217	1.233.925.458.276
Số dư tại 01/01/2025	991.343.310.000	659.066.000	8.192.087.059	233.730.995.217	1.233.925.458.276
Lợi nhuận	-	-	-	19.471.660.661	19.471.660.661
Số dư tại 30/06/2025	991.343.310.000	659.066.000	8.192.087.059	253.202.655.878	1.253.397.118.937
b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	30/06/2025	Tỷ lệ	01/01/2025	Tỷ lệ	
Vốn góp của ông Nguyễn Công Hùng	215.705.230.000	21,76%	215.705.230.000	21,76%	
Vốn góp của các cổ đông khác	775.638.080.000	78,24%	775.638.080.000	78,24%	
Cộng	991.343.310.000	100,00%	991.343.310.000	100,00%	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp đầu kỳ

Vốn góp cuối kỳ

06 tháng đầu
năm 202506 tháng đầu
năm 2024

991.343.310.000 939.973.690.000

991.343.310.000 939.973.690.000

991.343.310.000 939.973.690.000

d. Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành

Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng

Cổ phiếu phổ thông

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.

30/06/2025

01/01/2025

99.134.331 99.134.331

99.134.331 99.134.331

99.134.331 99.134.331

99.134.331 99.134.331

99.134.331 99.134.331

10.000 10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển

Cộng

30/06/2025

01/01/2025

8.192.087.059 8.192.087.059

8.192.087.059 8.192.087.059

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**a. Ngoại tệ các loại**

30/06/2025

01/01/2025

Số lượng

Quy đổi (VND)

Số lượng

Quy đổi (VND)

Đồng đô la Mỹ (USD)

300.830,47

7.794.517.478

153.593,30

3.893.436.562

Đồng Lak

243.201,46

223.745

3.951.077,68

3.516.459

Cộng

544.031,93

7.794.741.223

4.104.670,98

3.896.953.021

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Cộng

Doanh thu đối với các bên liên quan

Công ty Cổ phần SCI E&C

Cộng

06 tháng đầu
năm 202506 tháng đầu
năm 2024

483.727.273 950.409.090

549.898.590.726 466.371.840.532

550.382.317.999 467.322.249.622

483.727.273 950.409.090

483.727.273 2.528.883.714

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Giá vốn hàng bán	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
Giá vốn hợp đồng xây dựng	526.429.348.137	431.935.861.167
Cộng	526.429.348.137	431.935.861.167
3. Doanh thu hoạt động tài chính	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	6.998.540	1.097.412.154
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.148.692.260	38.778.553.510
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	6.895.472.397	15.246.994.867
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	6.013.996.462	7.076.990.180
Cộng	15.065.159.659	62.199.950.711
4. Chi phí tài chính	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
Lãi tiền vay	1.190.136.986	88.767.123
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	7.751.826.855	4.327.880.787
Dự phòng/hoàn nhập giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	2.074.500.594	19.184.197.238
Chi phí tài chính khác	23.435	7.567.154
Cộng	11.016.487.870	23.608.412.302
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
Chi phí nhân viên	3.427.169.414	2.801.317.390
Chi phí vật liệu, bao bì	338.930.471	451.316.028
Chi phí đồ dùng văn phòng	132.322.825	254.990.699
Chi phí khấu hao TSCĐ	17.997.504	6.250.002
Thuế, phí, lệ phí	192.600.881	448.249.360
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.151.420.498	2.450.461.124
Chi phí bằng tiền khác	200.188.913	261.494.256
Cộng	5.460.630.506	6.674.078.859
6. Thu nhập khác	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
Thu nhập từ tiền điện phục vụ công trình Nam Sam 3, Nậm Mô 2	7.727.472.512	5.251.355.431
Các khoản khác	1.991.766.963	2.032.224.664
Cộng	9.719.239.475	7.283.580.095

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Chi phí khác	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	193.686.000	193.899.600
Chi phí tiền điện phục vụ công trình Nam Sam 3, Nậm Mô 2	7.727.472.512	5.251.355.431
Các khoản khác	1.991.766.962	3.841.560.527
Cộng	9.912.925.474	9.286.815.558
8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	471.253.296	706.306.727
Chi phí nhân công	3.427.169.414	2.801.317.390
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.997.504	6.250.002
Chi phí dịch vụ mua ngoài	525.358.821.678	433.393.401.236
Chi phí khác bằng tiền	2.614.736.751	1.702.664.671
Cộng	531.889.978.643	438.609.940.026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế

06 tháng đầu
năm 202506 tháng đầu
năm 2024

22.347.325.146

65.300.612.542

a. Các khoản điều chỉnh tăng

193.686.000

193.899.600

Chi phí không được trừ

193.686.000

193.899.600

b. Các khoản điều chỉnh giảm

(8.162.688.722)

(45.855.543.690)

Cổ tức, lợi nhuận được chia

(2.148.692.260)

(38.778.553.510)

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại

(6.013.996.462)

(7.076.990.180)

2. Thu nhập tính thuế

14.378.322.424

19.638.968.452

3. Thuế suất thuế TNDN

20%

20%

Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**2.875.664.485****3.927.793.690****10. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính**

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

10.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

10.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10.2 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

10.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 30 tháng 06 năm 2025	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	-	40.000.000.000	-	40.000.000.000
Phải trả người bán	474.347.888.048	193.208.389.301	-	667.556.277.349
Các khoản phải trả, phải nộp khác	12.583.856.585	-	-	12.583.856.585
Chi phí phải trả	-	1.521.534.246	-	1.521.534.246
Cộng	486.931.744.633	234.729.923.547	-	721.661.668.180
Ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Các khoản vay và nợ	-	40.000.000.000	-	40.000.000.000
Phải trả người bán	587.997.945.638	-	-	587.997.945.638
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.650.764.460	-	-	5.650.764.460
Chi phí phải trả	-	331.397.260	-	331.397.260
Cộng	593.648.710.098	40.331.397.260	-	633.980.107.358

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024.

11. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính dài hạn chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và 31 tháng 12 năm 2024. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

11. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	30/06/2025		01/01/2025		30/06/2025	01/01/2025
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
- Tiền và các khoản tương đương tiền	39.652.143.224	-	10.072.179.237	-	39.652.143.224	10.072.179.237
- Phải thu khách hàng	567.418.605.541	-	488.601.815.197	-	567.418.605.541	488.601.815.197
- Phải thu khác	19.719.942.182	-	19.602.501.874	-	19.719.942.182	19.602.501.874
- Đầu tư ngắn hạn	499.175.581	(408.918.809)	499.175.581	(385.711.659)	90.256.772	113.463.922
- Đầu tư dài hạn	30.550.000.000	-	30.550.000.000	-	-	-
TỔNG CỘNG	657.839.866.528	(408.918.809)	549.325.671.889	(385.711.659)	626.880.947.719	518.389.960.230
Nợ phải trả tài chính						
- Vay và nợ	40.000.000.000	-	40.000.000.000	-	40.000.000.000	40.000.000.000
- Phải trả người bán	667.556.277.349	-	587.997.945.638	-	667.556.277.349	587.997.945.638
- Chi phí phải trả	1.521.534.246	-	331.397.260	-	1.521.534.246	331.397.260
- Phải trả khác	12.583.856.585	-	5.650.764.460	-	12.583.856.585	5.650.764.460
TỔNG CỘNG	721.661.668.180	-	633.980.107.358	-	721.661.668.180	633.980.107.358

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

2a.1. Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

2a.2. Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

2a.3. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Chức vụ	Tính chất thu nhập	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
Nguyễn Công Hùng	Chủ tịch HĐQT	Lương và thưởng	240.000.000	240.000.000
Ngô Vũ An	Thành viên HĐQT	Lương và thưởng	32.000.000	48.000.000
Đoàn Thế Anh	Phó Tổng Giám đốc/ Thành viên HĐQT	Lương và thưởng	48.000.000	48.000.000
Nguyễn Văn Phúc	Tổng Giám đốc/ Thành viên HĐQT	Lương và thưởng	593.636.546	551.859.909
Phạm Văn Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	Lương và thưởng	118.885.227	115.273.546
Nguyễn Văn Độ	Phó Tổng Giám đốc	Lương và thưởng	163.603.864	356.596.272
Vũ An Minh	Phó Tổng Giám đốc	Lương và thưởng	165.053.864	196.321.939
Nguyễn Anh Huy	Thành viên HĐQT	Lương và thưởng	16.000.000	-
Kim Mạnh Hà	Thành viên HĐQT	Lương và thưởng	48.000.000	48.000.000
Hoàng Trọng Minh	Thành viên HĐQT	Lương và thưởng	48.000.000	48.000.000
Cộng			1.473.179.501	1.652.051.666

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty con, công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần SCI E&C	Công ty con
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Công ty con
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Công ty con
Công ty Cổ phần SCI Nghệ An	Công ty con
Công ty Cổ phần SCI Quảng Trị	Công ty con
Công ty TNHH SCI Năng Lượng	Công ty con

2b.1. Giao dịch với các bên liên quan khác

Giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c.

2b.2. Công nợ các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan được trình bày tại mục phải thu, phải trả trong các thuyết minh V.3b; V.4b; V.10c; V.14b.

3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

3.1 Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp, chiếm trên 90% tổng doanh thu hoạt động. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

3.2 Báo cáo bộ phận thứ yếu: theo khu vực địa lý

Công ty phát sinh doanh thu chủ yếu ở nước ngoài, chiếm trên 90% tổng doanh thu hoạt động. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2025 trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học MOORE AISIC, số liệu so sánh 6 tháng đầu năm 2024 trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ được lấy từ Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2024 của Công ty đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học MOORE AISIC.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai

NGƯỜI LẬP BIỂU


Lê Thị Nhung

KẾ TOÁN TRƯỞNG


Phan Dương Mạnh

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2025
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ


Nguyễn Công Hùng